

TỈNH ỦY CAO BẰNG  
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

\*

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

Cao Bằng, ngày 29 tháng 7 năm 2026

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 34

Môn: Phần E.I - Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương

Ngày thi: 26/7/2026

| STT | Họ và tên          | Điểm |                  | STT | Họ và tên            | Điểm |                        |
|-----|--------------------|------|------------------|-----|----------------------|------|------------------------|
|     |                    | Số   | Bảng chữ         |     |                      | Số   | Bảng chữ               |
| 1   | Nông Thị Vân Anh   | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 32  | Hứa Văn Lập          | 8,00 | Tám                    |
| 2   | Hoàng Thị Hoài Anh | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm | 33  | Nông Thùy Linh       | 8,00 | Tám                    |
| 3   | Hoàng Văn Biên     | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 34  | Nguyễn Thị Linh      | 7,50 | Bảy phẩy năm           |
| 4   | Triệu Thị Bình     | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 35  | Lương Quang Linh     | 7,50 | Bảy phẩy năm           |
| 5   | Nông Văn Chấn      | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 36  | Nguyễn Thùy Mai      | 8,00 | Tám                    |
| 6   | Tô Quỳnh Châu      | 7,00 | Bảy              | 37  | Lý Thị Ngọc Mai      | 8,00 | Tám                    |
| 7   | Nguyễn Đình Chiến  | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 38  | Phạm Đại Nam         | 8,00 | Tám                    |
| 8   | Nông Văn Đạt       | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 39  | Linh Thị Ngà         | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm       |
| 9   | Trần Thùy Dương    | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 40  | Nông Đình Nghĩa      | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm       |
| 10  | Ngân Bích Duyên    | 5,00 | Năm              | 41  | Bùi Thị Hồng Ngọc    | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm       |
| 11  | Ngân Thế Duyệt     | 8,00 | Tám              | 42  | Nông Thị Hồng Ngọc   | 8,00 | Tám                    |
| 12  | Lãnh Ngọc Hiên     | 8,00 | Tám              | 43  | Đào Ánh Nguyệt       | 8,25 | Tám phẩy hai năm       |
| 13  | Lê Thị Hiên        | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 44  | Vi Thị Nhung         | 7,25 | Bảy phẩy hai năm       |
| 14  | Triệu Quang Hiệp   | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 45  | Hoàng Thị Hồng Nhung | 8,00 | Tám                    |
| 15  | Nông Thị Hiệu      | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 46  | Vi Minh Quang        | 7,25 | Bảy phẩy hai năm       |
| 16  | Nông Trịnh Hồ      | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 47  | Tô Thị Quyên         | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm       |
| 17  | Hà Mộng Hoa        | 7,50 | Bảy phẩy năm     | 48  | Đinh Văn Tập         | 7,00 | Bảy                    |
| 18  | Lương Văn Hợi      | 7,25 | Bảy phẩy hai năm | 49  | Nguyễn Hữu Thắng     | 7,00 | Bảy                    |
| 19  | Nông Thị Thúy Hồng | 8,00 | Tám              | 50  | Long Văn Thành       | 8,00 | Tám                    |
| 20  | Đàm Thị Thu Huế    | 8,00 | Tám              | 51  | Đàm Hải Thao         |      | Không đủ điều kiện thi |
| 21  | Vũ Thu Hương       | 8,00 | Tám              | 52  | Nông Thị Minh Thu    | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm       |
| 22  | Nông Thu Hương     | 8,00 | Tám              | 53  | Đặng Thanh Thùy      | 8,25 | Tám phẩy hai năm       |
| 23  | Đinh Thị Huyền     | 8,00 | Tám              | 54  | Đàm Thị Thủy         | 7,50 | Bảy phẩy năm           |

*ĐHT*

|    |                      |      |              |    |                   |      |                  |
|----|----------------------|------|--------------|----|-------------------|------|------------------|
| 24 | Đàm Thị Huyền        | 7,50 | Bảy phẩy năm | 55 | Lê Thanh Thủy     | 7,75 | Bảy phẩy bảy năm |
| 25 | Ma Thị Huyền         | 7,50 | Bảy phẩy năm | 56 | Đàm Thanh Tình    | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 26 | Cao Thanh Kiều       | 8,00 | Tám          | 57 | Thang Thành Trung | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 27 | Lục Hồng Kỳ          | 8,00 | Tám          | 58 | Nguyễn Minh Tuấn  | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 28 | Phùng Thị Hồng Lan   | 7,50 | Bảy phẩy năm | 59 | Phạm Minh Tuấn    | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 29 | Thân Thị Lan         | 7,50 | Bảy phẩy năm | 60 | Lưu Đức Tùng      | 7,50 | Bảy phẩy năm     |
| 30 | Lâm Thị Lan          | 8,00 | Tám          | 61 | Trần Văn Việt     | 8,00 | Tám              |
| 31 | Nguyễn Thị Hoàng Lan | 8,00 | Tám          | 62 | Nguyễn Thị Xuân   |      | Thôi học         |

**GHI ĐIỂM**



**Đoàn Thị Kim Liên**

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Trương Thị Phương**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Việt Hưng**